

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST

Ngày 27-9-2023

“V/v tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Ngọc Tân.

Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp chia di sản thừa kế, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 20/9/2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1951

-Bị đơn: Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/Chị Nguyễn Thị Ng sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn B, xã Tr, huyện L, tỉnh Yên Bái.

2/ Anh Nguyễn Thế Ch1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

3/ Ủy ban nhân dân xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Ch2- Chủ tịch UBND xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ- Phó chủ tịch UBND xã.

(Tại phiên tòa có mặt bà Ch, anh C và anh Ch1; Chị Ng và ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bùi Thị Ch trình bày: Bà Ch và ông Nguyễn Thế B1 là quan hệ vợ chồng, ông bà kết hôn vào ngày 20/6/1972 có giấy khai kết hôn do Ủy ban hành chính xã M, huyện Qu cấp, ông B1 sinh năm 1939, mất ngày 15/7/2014. Bà Ch và ông B1 có 03 người con gồm:

- 1- Nguyễn Thế C, sinh năm 1974.
- 2- Nguyễn Thế Ch1, sinh năm 1984.
- Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Qu.
- 3- Nguyễn Thế Ch5, sinh năm 1976, chết năm 1982.

Ngoài 02 người con còn sống thì bà và ông B1 không có con nuôi nào khác. Đối với ông B1 trước khi kết hôn với bà Ch, ông B1 đã chung sống với bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1944, ông B1 và bà L1 có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Ng sinh năm 1969. Năm 1970 ông B1 và bà L1 ly hôn. Bố mẹ ông B1 đều đã chết.

Trong thời gian bà và ông B1 chung sống, ông bà có tài sản chung là thửa đất ở số thửa 640, tờ bản đồ số 02, diện tích 435m², địa chỉ thửa đất: thôn T, xã M, huyện Qu. Năm 2004 bà và ông B1 đã chuyển nhượng cho anh C 230m² để anh C làm nhà sinh sống. Diện tích còn lại là 205m² ông bà và anh Ch1 sử dụng và sinh sống. Năm 2009 do ngôi nhà cũ nát, anh Ch1 đã tự bỏ tiền ra xây nhà mái bằng và công trình phụ để bố mẹ sinh sống. Ngày 12/3/2004 UBND huyện Qu đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thế B1- Bùi Thị Ch. Như vậy bà và ông B1 có tài sản chung là thửa đất ở diện tích 205m² như đã nêu trên. Do ông B1 chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản, vì vậy bà yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông B1 là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông B1 là 102,5m² cho hàng thừa kế thứ nhất của ông B1 gồm 04 người: bà Ch, anh C, anh Ch1 và chị Ng, bà đề nghị được nhận bằng hiện vật vì hiện tại không còn nơi ở nào khác. Đối công trình nhà ở trên đất thuộc quyền sở hữu của anh Ch1, bà và anh Ch1 tự giải quyết. Bà Ch không yêu cầu giải quyết về công sức quản lý di sản thừa kế.

Về diện tích lấn chiếm bà Ch khai: Trong quá trình sử dụng và sinh sống bà Ch đã lấn chiếm và san lấp ao công cộng (*thuộc UBND xã M quản lý*) liền kề thửa đất để sử dụng. Bà đề nghị tạm giao để tiếp tục quản lý và sử dụng.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Thế C trình bày: Anh xác nhận bố mẹ đẻ anh là ông B1 và bà Ch có 02 người con hiện còn sống là anh và anh Ch1, ông B1 có 01 con riêng là chị Ng. Ông B1 và bà Ch có tài sản chung là thửa đất ở diện tích 205m² như bà Ch đã khai là đúng. Đối công trình xây dựng trên đất là tài sản riêng của anh Ch1. Do ông B1 chết không để lại di chúc vì vậy anh cũng đề nghị chia di sản thừa kế của ông B1 là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông B1 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông B1 gồm bà Ch, anh C, anh Ch1 và chị Ng. Kỳ phần của anh được hưởng anh đề nghị nhận bằng diện tích đất ở để nhập vào thửa đất của anh liền kề anh đang sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Thế Ch1 đều khai thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn và đều đề nghị chia di sản thừa kế của ông B1 là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông B1 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông B1 gồm bà Ch, anh C, anh Ch1 và Chị Ng đồng thời Chị Ng và anh Ch1 đều đề nghị nhường lại kỳ phần di sản thừa kế được hưởng cho bà Ch được sử dụng và không yêu cầu bà Ch chia trả chênh lệch. Chị Ng có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa. Anh Ch1

không yêu cầu giải quyết về công sức quản lý di sản thừa kế và nhận chịu toàn bộ chi phí định giá và thẩm định.

- Đại diện theo ủy quyền của UBND xã M là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông B1 là công dân xã M, trước năm 1970 ông B1 sinh sống với bà Nguyễn Thị L1 và có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Ng. Năm 1970 ly hôn với bà L1, năm 1972 ông B1 kết hôn với bà Ch và có 03 con chung là anh C và Ch1 hiện còn sống như nêu trên, anh Ch5 chết năm 1982. Ông B1 và bà Ch có tài sản chung là thửa đất ở số thửa 640, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Qu diện tích 205m² đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 mang tên ông B1- bà Ch. Quá trình sử dụng bà Ch đã lấn chiếm ra ao công cộng giáp thửa đất, ao này thuộc quyền quản lý của UBND xã M, vì vậy diện tích hiện tại của thửa đất lớn hơn 205m². Các hộ liên kề thửa đất không có sự tranh chấp, không có sự trao đổi về diện tích cho nhau. Đối với phần diện tích đất lấn chiếm là thuộc quyền quản lý của UBND xã M, UBND xã M đề nghị tạm giao cho bà Ch quản lý và sử dụng, khi nào UBND xã M lấy lại thì sẽ thông báo cho bà Ch biết. Ông Đ đề nghị được vắng mặt tại Tòa án trong toàn bộ quá trình tố tụng.

- *Tòa án đã xác minh hộ liên kề thửa đất giáp phía sau là ông Nguyễn Công Vung cấp*: Thửa đất gia đình ông V và thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông B1- Bà Ch về ranh giới vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có sự tranh chấp, hai bên không trao đổi diện tích cho nhau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến***: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định thửa đất ở, diện tích 205m², số thửa 640, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà Ch và ông B1. Xác định quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 102,5m² là di sản thừa kế của ông B1. Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông B1 gồm: Bà Ch, chị Ng, anh C, anh Ch1; Xử chia 102,5m² đất ở cho 04 đồng thừa kế, mỗi kỹ phần được hưởng là 25,625m².

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng, anh Ch1 nhường kỹ phần cho bà Ch hưởng và không yêu cầu bà Ch chia trả chênh lệch.

Xử chia và giao cho bà Ch được quyền sử dụng di sản thừa kế của ông B1 là 102,5m² đất ở. Bà Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh C trị giá bằng tiền phần chênh lệch của một kỹ phần thừa kế được hưởng là 21.525.000 đồng

Tạm giao phần diện tích đất lấn chiếm cho bà Ch quản lý và sử dụng.

Về án phí: Do bà Ch là người đủ 60 tuổi, vì vậy đề nghị miễn án phí dân sự cho bà Ch đối với kỹ phần bà Ch được hưởng. Bà Ch phải chịu án phí đối với kỹ phần của Chị Ng và anh Ch1 nhường cho được hưởng. Chấp nhận sự tự nguyện nhận chịu cả tiền thẩm định và định giá tài sản của anh Ch1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn T, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 10/4/2023 nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, căn cứ vào Điều 623 Bộ luật dân sự yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã M và chị Nguyễn Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Ông Nguyễn Thế B1, sinh năm 1939 và bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1951 là quan hệ vợ chồng đã được Ủy ban hành chính xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình cấp giấy khai kết hôn vào ngày 20/6/1972. Trước khi kết hôn với bà Ch, ông B1 đã sinh sống với bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1944, năm 1970 ông B1 và bà L1 ly hôn. Ông B1 và bà L1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Ng sinh năm 1969. Ông B1 và bà Ch có 03 con chung là Nguyễn Thế C, sinh năm 1974, Nguyễn Thế Ch5, sinh năm 1976 và Nguyễn Thế Ch1, sinh năm 1984. Anh Ch5 chết vào năm 1982, anh Ch5 không có vợ con.

Ông B1 chết vào ngày 15/7/2014 có giấy trích lục khai tử của Ủy ban nhân xã M cấp. Thời điểm ông B1 chết không để lại di chúc, vì vậy di sản thừa kế của ông B1 để lại được chia theo pháp luật.

[3] *Về di sản thừa kế của ông B1 để lại:* Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xác minh thể hiện trong thời gian chung sống, ông B1 và bà Ch có tài sản chung là thửa đất ở, số thửa 640, tờ bản đồ số 02, diện tích 435m², địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình. Năm 2004 ông B1 và bà Ch đã chuyển nhượng cho anh C một phần diện tích, diện tích còn lại là 205m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Qu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2004 mang tên chủ sử dụng hộ ông Nguyễn Thế B1 - bà Bùi Thị Ch. Trên thửa đất có nhà mái bằng và công trình phụ. Quá trình tố tụng các đương sự đều thừa nhận thửa đất 205m² là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông B1 và bà Ch, công trình xây dựng trên thửa đất là tài sản của anh Ch1 do anh Ch1 tự bỏ tiền ra xây dựng vào năm 2009 để ông B1, bà Ch và anh Ch1 cùng sử dụng. Vì vậy xác định di sản thừa kế của ông B1 để lại là quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 102,5m² đất ở; quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại là tài sản và thuộc quyền sử dụng của bà Ch. Toàn bộ thửa đất trên hiện do bà Ch và anh Ch1 đang quản lý và sử dụng.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất trên diện tích hiện tại là 302,9m². Mặt trước giáp đường giao thông xóm; hai mặt cạnh giáp hộ anh C và giáp ao công cộng; mặt sau giáp hộ ông Nguyễn Công V. Ranh giới giáp hộ anh Chai bên đều có công trình xây dựng kiên cố là nhà ở chạy dọc và xây sát cõi ranh giới (*kiểu nhà ống*). Đối với diện tích tăng thêm 97,9m², qua xác minh các hộ liền kề đều khẳng định không có sự xâm lấn tranh chấp, không có sự trao đổi cho nhau. Các đương sự đều khai và xác minh với UBND xã M cung cấp sổ dĩ diện tích tăng thêm là do trong quá trình sinh

sống gia đình bà Ch đã san lấp lấn chiếm ao công cộng thuộc UBND xã Mquản lý. Phần diện tích lấn chiếm này UBND xã Mđề nghị Tòa án tạm giao cho đương sự đang sử dụng được tiếp tục sử dụng và quản lý, khi nào UBND xã Mthủ hồi hoặc đương sự có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng thì sẽ giải quyết sau.

Trị giá di sản thừa kế Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Phụ đã tiến hành định giá và xác định có giá trị 840.000 đồng/m² đất ở. Tổng trị giá là 86.100.000 đồng (*tám mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng*).

[4] *Về hàng thừa kế và kỹ phân thừa kế*: Qua xác minh UBND xã Mchung cấp và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều khai thống nhất ông B1có 01 con riêng là chị Ng, ông B1có vợ là bà Ch và 03 con chung với bà Ch là anh C, anh Ch5 và anh Ch1. Anh Ch5 chết năm 1982, anh Ch5 không có vợ con. Trước khi kết hôn với bà Ch, ông B1có vợ là bà Nguyễn Thị L1, năm 1970 ông B1và bà L1 đã ly hôn. Bố mẹ ông B1đã chết. Như vậy thời điểm mở thừa kế thì hàng thừa kế được xác định 04 người gồm: bà Ch, chị Ng, anh Cvà anh Ch1. Do ông B1không để lại di chúc vì vậy di sản thừa kế được chia theo quy định pháp luật thành 04 kỹ phần bằng nhau. Trị giá mỗi kỹ phần được hưởng là 25,625m² x 840.000 đồng = 21.525.000 đồng (*hai mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

[5] *Xét yêu cầu của các đương sự và cách thức chia và giao di sản thừa kế*: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Ch, anh C, chị Ng, anh Ch1 đều đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật thành 04 kỹ phần thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B1là 04 người gồm bà Ch, anh C, chị Ng, anh Ch1. Bà Ch và anh C đều đề nghị được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Người có quyền lợi liên quan chị Ng, anh Ch1 đều đề nghị nhường lại kỹ phần mình được hưởng cho bà Ch được sử dụng, bà Ch nhất trí nhận kỹ phần thừa kế do anh Ch1 và Chị Ngnhường cho và nhận chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Ch với anh Ch1, Chị Nglà đúng quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, vì vậy cần chấp nhận. Tại phiên tòa bà Ch đề nghị Tòa án giao cho bà được quyền sử dụng 102,5m² đất là di sản thừa kế của ông B1cùng 102,5m² là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà để tránh ảnh hưởng công trình xây dựng trên đất. Bà nhận chia trả chênh lệch bằng tiền cho anh Cđối với kỹ phần thừa kế của anh Cđược hưởng.

Đối với yêu cầu của bà Ch và anh Cđề nghị được nhận kỹ phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thấy rằng: Ranh giới giữa thửa đất của ông B1- bà Ch với thửa đất của anh Clien kề chạy dọc, hai bên đều xây dựng công trình nhà ở mái bằng kiên cố (*dạng nhà ống*) sát cội ranh giới, nếu cắt một phần diện tích là kỹ phần thừa kế giao cho anh Cphần giáp cội để nhập vào cùng thửa đất của anh Cthì sẽ ảnh hưởng đến công trình xây dựng trên phần đất có di sản thừa kế, nếu giao cho anh Cở vị trí khác thì kỹ phần thừa kế có diện tích nhỏ không đủ điều kiện tách thửa theo quy định của UBND tỉnh Thái Bình. Xét thấy thửa đất trên bà Ch là người đang quản lý, sử dụng và được xác định ½ diện tích còn lại là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà Ch. Qua xác minh cho thấy ngoài thửa đất trên bà Ch không còn có nơi ở nào khác, đối với anh Cđã có nhà và đất liền kề. Căn cứ vào hiện trạng thực tế thửa đất và công trình xây dựng trên thửa đất, xét thấy nguyện vọng của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần xử chia và giao cho bà Ch được quyền sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của ông B1và buộc bà Ch có nghĩa vụ thanh toán trị giá bằng tiền cho anh C số tiền của một kỹ phần thừa kế được hưởng là 21.525.000 đồng (*hai mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] *Đối với chi phí tiền công quản lý, bảo quản di sản thừa kế:* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Ch, anh Ch1 không yêu cầu, vì vậy Tòa án không xét.

[7] *Đối với tài sản là công trình xây dựng trên đất và diện tích đất lấn chiếm:* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự đều xác định công trình xây dựng trên đất là tài sản riêng của anh Ch1, anh Ch1 và bà Ch đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với diện tích đất lấn chiếm, Ủy ban nhân dân xã M có ý kiến đề nghị tạm giao cho đương sự đang trực tiếp sử dụng được tiếp tục quản lý và sử dụng. Vì vậy cần giao cho bà Ch tiếp tục được quản lý và sử dụng.

[8] *Về án phí:* Đối với bà Ch là người cao tuổi, vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí dân sự đối với kỹ phần bà Ch được hưởng. Bà Ch phải chịu án phí dân có giá ngạch đối với kỹ phần của anh Ch1, Chị Ng nhường cho được hưởng. Anh C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với kỹ phần anh C được hưởng.

[9] *Về chi phí định giá và thẩm định:* Anh Ch1 nhận chịu cả 1.700.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản (*anh Ch1 đã nộp xong số tiền trên*).

[10] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 266, 271, 273; khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 179 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Bùi Thị Ch.

-Xác định thửa đất ở, số thửa 640, tờ bản đồ số 02, diện tích 205m², địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thế B1- Bà Bùi Thị Ch.

-Xác định quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích là 102,5m² của thửa đất là di sản thừa kế của ông Nguyễn Thế B1. Trị giá di sản thừa kế là 86.100.000 đồng (*tám mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng*).

-Xác định quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại là 102,5m² của thửa đất là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà Bùi Thị Ch.

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Chị Nguyễn Thị Ng anh Nguyễn Thế Ch1 nhường kỹ phần thừa kế tài sản cho bà Bùi Thị Ch được quyền sử dụng và không yêu cầu bà Ch chia trả chênh lệch.

- Xử chia và giao cho bà Bùi Thị Ch được quyền sử dụng di sản thừa kế của ông Nguyễn Thế B1 là quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích là 102,5m² của thửa đất 640, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: thôn T, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình. Buộc bà Ch phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Thế C trị giá bằng tiền phần chênh lệch của một kỹ phần thừa kế được hưởng là 21.525.000 đồng (*hai mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Tạm giao cho bà Bùi Thị Ch được quyền quản lý và sử dụng phần diện tích đất lấn chiếm của UBND xã M, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (*phần lấn chiếm ao công cộng đã thẩm định*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

-Bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với trị giá kỷ phần thừa kế của Chị Ng và anh Ch1 nhường lại cho bà Ch được hưởng là 2.152.000 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi hai ngàn đồng*).

-Anh Nguyễn Thế C chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với trị giá kỷ phần thừa kế được hưởng là 1.076.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*)

-Miễn tiền án phí dân sự cho bà Ch đối với kỷ phần thừa kế của bà Ch được hưởng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã M
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC